BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ
Đợt 1 năm 2017 Khoa Môi trường - Thực phẩm - Hóa

STT	Mã LHP	Tên môn học	Số TC	Lớp học	HK	Lịch học						Thời gian học	Tổng số tiết	Tuần học															Phòng	Giảng viên	Ghi chú
						Thứ	Tiết	Loại lịch	Số tiết	Nhóm	Sĩ số			T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15			
1	010107114501	Thực tập tốt nghiệp	4	13DTNMT.HL01		7	1 -> 6	TH	240		100	14/10/2017 -> 20/01/2018	90	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜNG	01129003 - Lương Quang Tưởng	
2	010107114501	Thực tập tốt nghiệp	4	13DTNMT.HL01		7	7 -> 12	TH	240		100	14/10/2017 -> 25/11/2017	42	x	x	x	x	x	x	x									TH. NGOÀI TRƯỜNG	01129001 - Lê Thị Hồng Diệp	
3	010107114501	Thực tập tốt nghiệp	4	13DTNMT.HL01		8	1 -> 6	TH	240		100	26/11/2017 -> 21/01/2018	54							x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜNG	01129003 - Lương Quang Tưởng	
4	010107114501	Thực tập tốt nghiệp	4	13DTNMT.HL01		8	7 -> 12	TH	240		100	26/11/2017 -> 21/01/2018	54							x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜNG	01129001 - Lê Thị Hồng Diệp	
5	010107173601	Các quá trình tổng hợp hóa dược	2	14DHH01	10	3	1 -> 5	LT	30		60	10/10/2017 -> 14/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.508	TG01029505 - Tống Thanh Danh	
6	010107271801	Kiểm nghiệm thuốc	3	14DHH01	10	3	7 -> 11	LT	45		60	10/10/2017 -> 05/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.508	01031344 - Võ Thanh Sang	
7	010107271701	Sản xuất thuốc	2	14DHH01	10	5	7 -> 11	LT	30		60	12/10/2017 -> 16/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.513	01031344 - Võ Thanh Sang	
8	010107271901	Thí nghiệm chuyên ngành hóa dược	1	14DHH01	10	4	1 -> 5	TH	30		30	29/11/2017 -> 03/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.4-HHTP05	01015011 - Đỗ Đình Nhật	
9	010107271902	Thí nghiệm chuyên ngành hóa dược	1	14DHH01	10	4	7 -> 11	TH	30		30	29/11/2017 -> 03/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.4-HHTP05	01015011 - Đỗ Đình Nhật	
10	010107272001	Thuốc, hóa chất và sức khỏe	2	14DHH01	10	6	7 -> 11	LT	30		60	17/11/2017 -> 22/12/2017	30						x	x	x	x	x	x					L.508	TG01029630 - Hà Cẩm Anh	
11	010107140801	Các phương pháp phân tách và tinh chế hợp chất hữu cơ	2	14DHH02	10	3	1 -> 5	LT	30		60	28/11/2017 -> 02/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.808	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
12	010107140901	Các phương pháp xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ	3	14DHH02	10	2	1 -> 5	LT	45		60	09/10/2017 -> 11/12/2017	45	x	x	x	x	x	x		x	x	x						L.808	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
13	010107271401	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	2	14DHH02	10	4	1 -> 5	LT	30		60	11/10/2017 -> 15/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.808	01015020 - Triệu Tuấn Anh	
14	010107088801	Hương liệu mỹ phẩm	2	14DHH02	10	4	7 -> 11	LT	30		60	11/10/2017 -> 15/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.808	TG01029611 - Lê Huy Hải	
15	010107271301	Thí nghiệm chuyên ngành hữu cơ	1	14DHH02	10	6	1 -> 5	TH	30		30	01/12/2017 -> 05/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.4-HHTP05	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
16	010107271302	Thí nghiệm chuyên ngành hữu cơ	1	14DHH02	10	6	7 -> 11	TH	30		30	01/12/2017 -> 05/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.4-HHTP05	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
17	010107114301	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT01	10	3	2 -> 6	TH	30		60	21/11/2017 -> 26/12/2017	30							x	x	x	x	x	x				L.504	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
18	010107114301	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT01	10	3	2 -> 6	LT	30		60	10/10/2017 -> 14/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.504	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
19	010107114405	Tham qua nhận thức	1	14DTNMT01	10	8	1 -> 6	TH	30		60	15/10/2017 -> 12/11/2017	30	x	x	x	x	x											TH. NGOÀI TRƯỜNG	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
20	010107114406	Tham qua nhận thức	1	14DTNMT01	10	8	7 -> 12	TH	30		60	15/10/2017 -> 12/11/2017	30	x	x	x	x	x											TH. NGOÀI TRƯỜNG	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
21	010107113301	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT01	10	2	7 -> 11	TH	30		30	27/11/2017 -> 08/01/2018	30								x	x	x	x	x		x		L.VT-206	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
22	010107113306	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT01	10	7	7 -> 11	TH	30		30	02/12/2017 -> 06/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.VT-205	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
23	010107113204	Viễn thám cơ bản	3	14DTNMT01	10	4	2 -> 6	LT	45		60	11/10/2017 -> 06/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.504	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
24	010107114302	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT02	10	6	2 -> 6	TH	30		60	24/11/2017 -> 29/12/2017	30							x	x	x	x	x	x				L.504	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
25	010107114302	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT02	10	6	2 -> 6	LT	30		60	13/10/2017 -> 17/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.504	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
26	010107114404	Tham qua nhận thức	1	14DTNMT02	10	8	1 -> 5	TH	30		60	15/10/2017 -> 19/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										TH. NGOÀI TRƯỜNG	01129003 - Lương Quang Tưởng	
27	010107113302	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT02	10	3	7 -> 11	TH	30		30	28/11/2017 -> 02/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.VT-205	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
28	010107113307	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT02	10	6	7 -> 11	TH	30		30	01/12/2017 -> 05/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.VT-202	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	

29	010107113205	Viễn thám cơ bản	3	14DTNMT02	10	3	2 -> 6	LT	45		60	10/10/2017 -> 05/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x						L.501	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
30	010107114303	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT03	10	6	7 -> 11	TH	30		100	24/11/2017 -> 29/12/2017	30							x	x	x	x	x	x				L.505	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
31	010107114303	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT03	10	6	7 -> 11	LT	30		60	13/10/2017 -> 17/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.501	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
32	010107114306	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT03	10	4	7 -> 11	TH	30		100	22/11/2017 -> 27/12/2017	30							x	x	x	x	x	x				L.505	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
33	010107114306	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT03	10	4	7 -> 11	LT	30		60	11/10/2017 -> 15/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.501	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
34	010107114403	Tham qua nhận thức	1	14DTNMT03	10	8	7 -> 11	TH	30		60	15/10/2017 -> 19/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										TH. NGOÀI TRƯỜN	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
35	010107113303	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT03	10	2	7 -> 11	TH	30		30	27/11/2017 -> 08/01/2018	30								x	x	x	x	x		x		L.VT-208	TG01029759 - Huỳnh Công Lực	
36	010107113308	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT03	10	3	7 -> 11	TH	30		30	28/11/2017 -> 02/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.VT-206	TG01029759 - Huỳnh Công Lực	
37	010107113203	Viễn thám cơ bản	3	14DTNMT03	10	2	2 -> 6	LT	45		60	09/10/2017 -> 11/12/2017	45	x	x	x	x	x	x		x	x	x						L.511	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
38	010107114304	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT04	10	4	2 -> 6	TH	30		60	22/11/2017 -> 27/12/2017	30							x	x	x	x	x	x				L.505	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
39	010107114304	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT04	10	4	2 -> 6	LT	30		60	11/10/2017 -> 15/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.512	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
40	010107114402	Tham qua nhận thức	1	14DTNMT04	10	8	1 -> 6	TH	30		60	15/10/2017 -> 12/11/2017	30	x	x	x	x	x											TH. NGOÀI TRƯỜN	01061004 - Đỗ Thị Thao	
41	010107113304	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT04	10	7	1 -> 5	TH	30		30	02/12/2017 -> 06/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.VT-206	TG01029759 - Huỳnh Công Lực	
42	010107113309	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT04	10	6	7 -> 11	TH	30		30	08/12/2017 -> 12/01/2018	30									x	x	x	x	x	x		L.VT-208	TG01029759 - Huỳnh Công Lực	
43	010107113201	Viễn thám cơ bản	3	14DTNMT04	10	5	2 -> 6	LT	45		60	12/10/2017 -> 07/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.512	TG01029759 - Huỳnh Công Lực	
44	010107114305	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT05	10	2	2 -> 6	TH	30		100	27/11/2017 -> 08/01/2018	30								x	x	x	x	x		x		L.507	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
45	010107114305	Đánh giá rủi ro và tác động môi trường	3	14DTNMT05	10	2	2 -> 6	LT	30		60	09/10/2017 -> 13/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.512	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
46	010107114401	Tham qua nhận thức	1	14DTNMT05	10	8	7 -> 12	TH	30		60	15/10/2017 -> 12/11/2017	30	x	x	x	x	x											TH. NGOÀI TRƯỜN	01129001 - Lê Thị Hồng Diệp	
47	010107113305	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT05	10	4	1 -> 5	TH	30		30	06/12/2017 -> 10/01/2018	30									x	x	x	x	x	x		L.VT-203	TG01029759 - Huỳnh Công Lực	
48	010107113310	Thực hành viễn thám cơ bản	1	14DTNMT05	10	6	1 -> 5	TH	30		30	01/12/2017 -> 05/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.VT-205	TG01029759 - Huỳnh Công Lực	
49	010107113202	Viễn thám cơ bản	3	14DTNMT05	10	5	7 -> 11	LT	45		60	12/10/2017 -> 07/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.507	TG01029759 - Huỳnh Công Lực	
50	010107171101	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm sữa	2	14DTP01	10	2	1 -> 5	LT	30		60	09/10/2017 -> 13/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.509	03015028 - Bùi Thị Minh Thủy	
51	010107275603	Công nghệ chế biến thủy hải sản	2	14DTP01	10	4	1 -> 5	LT	30		60	11/10/2017 -> 25/10/2017	15	x	x	x													L.509	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
52	010107275603	Công nghệ chế biến thủy hải sản	2	14DTP01	10	5	7 -> 11	LT	30		60	12/10/2017 -> 26/10/2017	15	x	x	x													L.509	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
53	010107123601	Quản lý chất lượng thực phẩm	3	14DTP01	10	3	1 -> 5	LT	45		60	10/10/2017 -> 07/11/2017	25	x	x	x	x	x											L.509	03015001 - Đặng Thanh Thủy	
54	010107123601	Quản lý chất lượng thực phẩm	3	14DTP01	10	3	7 -> 11	LT	45		60	10/10/2017 -> 31/10/2017	20	x	x	x	x												L.509	03015001 - Đặng Thanh Thủy	
55	010107278303	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP01	10	4	2 -> 6	TH	30		30	01/11/2017 -> 15/11/2017	15				x	x	x										L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
56	010107278303	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP01	10	4	7 -> 11	TH	30		30	01/11/2017 -> 15/11/2017	15				x	x	x										L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
57	010107278305	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP01	10	6	2 -> 6	TH	30		30	03/11/2017 -> 17/11/2017	15				x	x	x										L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
58	010107278305	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP01	10	6	7 -> 11	TH	30		30	03/11/2017 -> 17/11/2017	15				x	x	x										L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
59	010107124002	Thực tập tốt nghiệp	5	14DTP01	10	8	1 -> 5	TH	150		60	15/10/2017 -> 21/01/2018	75	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜN	03015006 - Nguyễn Thị Vân Linh	
60	010107124002	Thực tập tốt nghiệp	5	14DTP01	10	8	7 -> 11	TH	150		60	15/10/2017 -> 21/01/2018	75	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜN	03015006 - Nguyễn Thị Vân Linh	

61	010107171102	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm sữa	2	14DTP02	10	6	1 -> 5	LT	30		60	13/10/2017 -> 17/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.509	03015028 - Bùi Thị Minh Thủy	
62	010107275602	Công nghệ chế biến thủy hải sản	2	14DTP02	10	5	1 -> 5	LT	30		60	12/10/2017 -> 26/10/2017	15	x	x	x													L.509	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
63	010107275602	Công nghệ chế biến thủy hải sản	2	14DTP02	10	6	7 -> 11	LT	30		60	13/10/2017 -> 27/10/2017	15	x	x	x													L.508	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
64	010107123602	Quản lý chất lượng thực phẩm	3	14DTP02	10	2	1 -> 5	LT	45		60	09/10/2017 -> 06/11/2017	25	x	x	x	x	x											L.510	03015001 - Đặng Thanh Thủy	
65	010107123602	Quản lý chất lượng thực phẩm	3	14DTP02	10	7	7 -> 11	LT	45		60	14/10/2017 -> 04/11/2017	20	x	x	x	x												L.509	03015001 - Đặng Thanh Thủy	
66	010107278302	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP02	10	5	2 -> 6	TH	30		30	02/11/2017 -> 16/11/2017	15				x	x	x										L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
67	010107278302	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP02	10	5	7 -> 11	TH	30		30	02/11/2017 -> 16/11/2017	15				x	x	x										L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
68	010107278304	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP02	10	3	2 -> 6	TH	30		30	31/10/2017 -> 14/11/2017	15				x	x	x										L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
69	010107278304	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP02	10	3	7 -> 11	TH	30		30	31/10/2017 -> 14/11/2017	15				x	x	x										L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
70	010107124001	Thực tập tốt nghiệp	5	14DTP02	10	8	1 -> 5	TH	150		60	15/10/2017 -> 21/01/2018	75	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜNG	01015003 - Nguyễn Quốc Duy	
71	010107124001	Thực tập tốt nghiệp	5	14DTP02	10	8	7 -> 11	TH	150		60	15/10/2017 -> 21/01/2018	75	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜNG	01015003 - Nguyễn Quốc Duy	
72	010107171103	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm sữa	2	14DTP03	10	6	7 -> 11	LT	30		60	13/10/2017 -> 17/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.509	03015028 - Bùi Thị Minh Thủy	
73	010107275601	Công nghệ chế biến thủy hải sản	2	14DTP03	10	4	7 -> 11	LT	30		60	11/10/2017 -> 25/10/2017	15	x	x	x													L.509	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
74	010107275601	Công nghệ chế biến thủy hải sản	2	14DTP03	10	6	1 -> 5	LT	30		60	13/10/2017 -> 27/10/2017	15	x	x	x													L.508	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
75	010107123603	Quản lý chất lượng thực phẩm	3	14DTP03	10	4	1 -> 5	LT	45		60	11/10/2017 -> 08/11/2017	25	x	x	x	x	x											L.809	03015001 - Đặng Thanh Thủy	
76	010107123603	Quản lý chất lượng thực phẩm	3	14DTP03	10	7	1 -> 5	LT	45		60	14/10/2017 -> 04/11/2017	20	x	x	x	x												L.809	03015001 - Đặng Thanh Thủy	
77	010107278301	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP03	10	7	2 -> 6	TH	30		30	11/11/2017 -> 25/11/2017	15					x	x	x									L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
78	010107278301	Thực hành công nghệ chế biến thực phẩm 1	1	14DTP03	10	7	7 -> 11	TH	30		30	11/11/2017 -> 25/11/2017	15					x	x	x									L.4-HHTP07	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
79	010107124003	Thực tập tốt nghiệp	5	14DTP03	10	8	1 -> 5	TH	150		60	15/10/2017 -> 21/01/2018	75	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜNG	03015001 - Đặng Thanh Thủy	
80	010107124003	Thực tập tốt nghiệp	5	14DTP03	10	8	7 -> 11	TH	150		60	15/10/2017 -> 21/01/2018	75	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	TH. NGOÀI TRƯỜNG	03015001 - Đặng Thanh Thủy	
81	010107270301	Hóa lý	3	15DHH1A	7	5	7 -> 11	LT	45		60	12/10/2017 -> 07/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.813	01015020 - Triệu Tuấn Anh	
82	010107270402	Kỹ thuật chế tạo cấp độ nano	3	15DHH1A	7	6	7 -> 11	LT	45		60	13/10/2017 -> 08/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.813	01015011 - Đỗ Đình Nhật	
83	010100131601	Phương pháp số trong công nghệ hóa học	2	15DHH1A	7	6	1 -> 5	LT	30		60	13/10/2017 -> 17/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.813	03015002 - Lưu Xuân Cường	
84	010107138601	Thí nghiệm hóa lý	1	15DHH1A	7	5	1 -> 5	TH	30		30	30/11/2017 -> 04/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.3-TNMT05	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
85	010107270302	Hóa lý	3	15DHH1B	7	5	1 -> 5	LT	45		60	12/10/2017 -> 07/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.808	01015020 - Triệu Tuấn Anh	
86	010107270401	Kỹ thuật chế tạo cấp độ nano	3	15DHH1B	7	6	1 -> 5	LT	45		60	13/10/2017 -> 08/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.808	01015011 - Đỗ Đình Nhật	
87	010100131602	Phương pháp số trong công nghệ hóa học	2	15DHH1B	7	6	7 -> 11	LT	30		60	13/10/2017 -> 17/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.808	03015002 - Lưu Xuân Cường	
88	010107138602	Thí nghiệm hóa lý	1	15DHH1B	7	4	7 -> 11	TH	30		30	29/11/2017 -> 03/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.3-TNMT05	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
89	010107113101	Anh văn chuyên ngành 1	3	15DTNMT1A	7	5	2 -> 6	LT	45		60	12/10/2017 -> 07/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.508	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
90	010107112702	Hóa phân tích môi trường	3	15DTNMT1A	7	4	2 -> 6	LT	45		60	11/10/2017 -> 06/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.901	01061004 - Đỗ Thị Thao	
91	010107112901	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2	15DTNMT1A	7	5	7 -> 11	LT	30		60	12/10/2017 -> 16/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.901	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
92	010107113002	Kỹ thuật môi trường cơ bản	4	15DTNMT1A	7	3	2 -> 6	LT	60		60	10/10/2017 -> 26/12/2017	60	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				L.901	01129001 - Lê Thị Hồng Diệp	

93	010107115901	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	2	15DTNMT1A	7	6	2 -> 6	LT	30		60	01/12/2017 -> 05/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.901	01061012 - Nguyễn Duy Trinh	
94	010107112602	Tài nguyên khoáng sản	2	15DTNMT1A	7	4	7 -> 11	LT	30		60	11/10/2017 -> 15/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.809	01010001 - Vũ Thị Thanh Tuyền	
95	010107112802	Thực hành phân tích môi trường	1	15DTNMT1A	7	3	7 -> 11	TH	30		30	28/11/2017 -> 02/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.3-TNMT05	01129003 - Lương Quang Tưởng	
96	010107112804	Thực hành phân tích môi trường	1	15DTNMT1A	7	2	2 -> 6	TH	30		30	27/11/2017 -> 08/01/2018	30								x	x	x	x	x		x		L.3-TNMT05	01129003 - Lương Quang Tưởng	
97	010107113102	Anh văn chuyên ngành 1	3	15DTNMT1C	7	5	7 -> 11	LT	45		60	12/10/2017 -> 07/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.508	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
98	010107112701	Hóa phân tích môi trường	3	15DTNMT1C	7	4	7 -> 11	LT	45		60	11/10/2017 -> 06/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.511	01061004 - Đỗ Thị Thao	
99	010107112902	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2	15DTNMT1C	7	5	2 -> 6	LT	30		60	12/10/2017 -> 16/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.513	01106002 - Huỳnh Thị Thanh Diệp	
100	010107113001	Kỹ thuật môi trường cơ bản	4	15DTNMT1C	7	3	7 -> 11	LT	60		60	10/10/2017 -> 26/12/2017	60	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				L.512	01129001 - Lê Thị Hồng Diệp	
101	010107112601	Tài nguyên khoáng sản	2	15DTNMT1C	7	4	2 -> 6	LT	30		60	11/10/2017 -> 15/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.813	01010001 - Vũ Thị Thanh Tuyền	
102	010107116001	Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững	2	15DTNMT1C	7	5	2 -> 6	LT	30		60	30/11/2017 -> 04/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.509	01061004 - Đỗ Thị Thao	
103	010107112801	Thực hành phân tích môi trường	1	15DTNMT1C	7	6	2 -> 6	TH	30		30	01/12/2017 -> 05/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.3-TNMT05	01129003 - Lương Quang Tưởng	
104	010107112803	Thực hành phân tích môi trường	1	15DTNMT1C	7	6	7 -> 11	TH	30		30	01/12/2017 -> 05/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.3-TNMT05	01129003 - Lương Quang Tưởng	
105	010107168401	Dinh dưỡng	3	15DTP1A	7	3	1 -> 5	LT	45		60	10/10/2017 -> 05/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.513	01129002 - Giang Thúy Minh	
106	010107201902	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15DTP1A	7	6	1 -> 5	LT	30		60	01/12/2017 -> 05/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.813	01015023 - Lê Quốc Tuấn	
107	010107138901	Quá trình cơ học	2	15DTP1A	7	3	7 -> 11	LT	30		60	10/10/2017 -> 14/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.813	01015011 - Đỗ Đình Nhật	
108	010107273701	Quá trình truyền nhiệt	3	15DTP1A	7	5	1 -> 5	LT	45		60	12/10/2017 -> 07/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.813	01015011 - Đỗ Đình Nhật	
109	010107168402	Dinh dưỡng	3	15DTP1B	7	3	7 -> 11	LT	45		60	10/10/2017 -> 05/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.809	01129002 - Giang Thúy Minh	
110	010107201901	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15DTP1B	7	4	1 -> 5	LT	30		60	29/11/2017 -> 03/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.809	01015023 - Lê Quốc Tuấn	
111	010107138902	Quá trình cơ học	2	15DTP1B	7	5	7 -> 11	LT	30		60	12/10/2017 -> 16/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.809	01015011 - Đỗ Đình Nhật	
112	010107273702	Quá trình truyền nhiệt	3	15DTP1B	7	3	1 -> 5	LT	45		60	10/10/2017 -> 05/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.809	01015011 - Đỗ Đình Nhật	
113	010100026701	Cơ sở kỹ thuật hóa học	3	16DHH1A	4	3	7 -> 11	LT	45		60	10/10/2017 -> 05/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.808	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
114	010107269401	Nhiệt động hóa học 1	2	16DHH1A	4	5	7 -> 11	LT	30		60	12/10/2017 -> 16/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.808	TG01029727 - Nguyễn Văn Dũng	
115	010107269501	Nhiệt động hóa học 2	2	16DHH1A	4	5	1 -> 5	LT	30		60	30/11/2017 -> 04/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.809	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
116	010107140001	Tin học ứng dụng trong công nghệ hóa học	2	16DHH1A	4	2	1 -> 5	TH	30		30	30/10/2017 -> 11/12/2017	30				x	x	x		x	x	x						L.VT-203	01015020 - Triệu Tuấn Anh	
117	010107140001	Tin học ứng dụng trong công nghệ hóa học	2	16DHH1A	4	2	1 -> 5	LT	15		30	09/10/2017 -> 09/10/2017	5	x															L.VT-202	01015020 - Triệu Tuấn Anh	
118	010107140001	Tin học ứng dụng trong công nghệ hóa học	2	16DHH1A	4	2	1 -> 5	LT	15		30	16/10/2017 -> 23/10/2017	10		x	x													L.809	01015020 - Triệu Tuấn Anh	
119	010107089801	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	6	1 -> 5	TH	60		30	03/11/2017 -> 19/01/2018	60				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	L.VT-207	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
120	010107089801	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	6	1 -> 5	LT	15		30	13/10/2017 -> 27/10/2017	15	x	x	x													L.VT-207	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
121	010107089802	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	6	7 -> 11	TH	60		30	03/11/2017 -> 19/01/2018	60				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	L.VT-206	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
122	010107089802	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	6	7 -> 11	LT	15		30	13/10/2017 -> 27/10/2017	15	x	x	x													L.VT-206	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
123	010107089803	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	7	1 -> 5	TH	60		30	23/12/2017 -> 20/01/2018	25											x	x	x	x	x	L.VT-207	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
124	010107089803	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	7	1 -> 5	LT	15		30	02/12/2017 -> 16/12/2017	15								x	x	x						L.VT-207	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	

125	010107089803	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	7	7 -> 11	TH	60		30	02/12/2017 -> 13/01/2018	35								x	x	x	x	x	x	x		L.VT-207	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
126	010107089804	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	5	7 -> 11	TH	60		30	02/11/2017 -> 18/01/2018	60				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	L.VT-207	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
127	010107089804	AutoCAD chuyên ngành	3	16DTNMT1A	4	5	7 -> 11	LT	15		30	12/10/2017 -> 26/10/2017	15	x	x	x													L.VT-207	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
128	010107112001	Khí tượng thủy văn	2	16DTNMT1A	4	4	2 -> 6	LT	30		60	11/10/2017 -> 15/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.513	TG01029657 - TRẦN THỊ VÂN	
129	010107112002	Khí tượng thủy văn	2	16DTNMT1A	4	4	2 -> 6	LT	30		60	29/11/2017 -> 03/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.513	TG01029657 - TRẦN THỊ VÂN	
130	010107115902	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	2	16DTNMT1A	4	7	2 -> 6	LT	30		60	14/10/2017 -> 18/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.513	TG01029738 - Bùi Thị Phương Quỳnh	
131	010107115903	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	2	16DTNMT1A	4	7	7 -> 11	LT	30		60	14/10/2017 -> 18/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.513	TG01029738 - Bùi Thị Phương Quỳnh	
132	010107078101	Vi sinh môi trường đại cương	2	16DTNMT1A	4	2	2 -> 6	LT	30		60	09/10/2017 -> 13/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.713	TG01029760 - Nguyễn Phúc Thiện	
133	010107078102	Vi sinh môi trường đại cương	2	16DTNMT1A	4	2	7 -> 11	LT	30		60	09/10/2017 -> 13/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.713	TG01029760 - Nguyễn Phúc Thiện	
134	010100066601	Hóa học thực phẩm	2	16DTP1A	4	2	1 -> 5	LT	30		60	09/10/2017 -> 13/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.513	03015006 - Nguyễn Thị Vân Linh	
135	010107270303	Hóa lý	3	16DTP1A	4	4	7 -> 11	LT	45		60	11/10/2017 -> 06/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.813	01015020 - Triệu Tuấn Anh	
136	010107168001	Thi nghiệm hóa học thực phẩm	1	16DTP1A	4	2	1 -> 5	TH	30		35	27/11/2017 -> 08/01/2018	30								x	x	x	x	x		x		L.4-HHTP06	03015006 - Nguyễn Thị Vân Linh	
137	010107168002	Thi nghiệm hóa học thực phẩm	1	16DTP1A	4	4	1 -> 5	TH	30		35	29/11/2017 -> 03/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.4-HHTP06	03015006 - Nguyễn Thị Vân Linh	
138	010107273401	Thực hành kỹ thuật chế biến món ăn	1	16DTP1A	4	5	2 -> 6	TH	30		30	30/11/2017 -> 14/12/2017	15								x	x	x						L.4-HHTP08	01015015 - Trần Thị Hiền Minh	
139	010107273401	Thực hành kỹ thuật chế biến món ăn	1	16DTP1A	4	5	7 -> 11	TH	30		30	30/11/2017 -> 14/12/2017	15								x	x	x						L.4-HHTP08	01015015 - Trần Thị Hiền Minh	
140	010107273402	Thực hành kỹ thuật chế biến món ăn	1	16DTP1A	4	6	2 -> 6	TH	30		30	01/12/2017 -> 15/12/2017	15								x	x	x						L.4-HHTP08	01015015 - Trần Thị Hiền Minh	
141	010107273402	Thực hành kỹ thuật chế biến món ăn	1	16DTP1A	4	6	7 -> 11	TH	30		30	01/12/2017 -> 15/12/2017	15								x	x	x						L.4-HHTP08	01015015 - Trần Thị Hiền Minh	
142	010107268701	Hội thảo chuyên đề (Nhập môn kỹ thuật)	2	17DHH1A	1	4	1 -> 5	LT	30		60	11/10/2017 -> 15/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.508	03015002 - Lưu Xuân Cường	
143	010107141401	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa 1	3	17DHH1A	1	4	7 -> 11	LT	45		60	11/10/2017 -> 06/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.513	03015002 - Lưu Xuân Cường	
144	010107113103	Anh văn chuyên ngành	3	17DTNMT1A	1	3	7 -> 11	LT	45		60	10/10/2017 -> 05/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.501	01061006 - Nguyễn Thị Hồng Nhung	
145	010107348402	Hóa đại cương 1	3	17DTNMT1A	1	4	1 -> 5	LT	45		60	11/10/2017 -> 06/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.501	01032435 - Nguyễn Đình Phúc	
146	010107201801	Môi trường và con người	2	17DTNMT1A	1	2	2 -> 6	LT	30		70	27/11/2017 -> 08/01/2018	30								x	x	x	x	x		x		L.504	01061004 - Đỗ Thị Thao	
147	010107348401	Hoá đại cương 1	3	17DTP1A	1	3	1 -> 5	LT	45		60	10/10/2017 -> 05/12/2017	45	x	x	x	x	x	x	x	x	x							L.505	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
148	010107111501	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	1	17DTP1A	1	4	2 -> 6	TH	30		30	29/11/2017 -> 03/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.3-TNMT05	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
149	010107111502	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	1	17DTP1A	1	5	7 -> 11	TH	30		30	30/11/2017 -> 04/01/2018	30								x	x	x	x	x	x			L.3-TNMT05	03015005 - Phạm Hoàng Danh	
150	010107169001	Tiếng Anh chuyên ngành thực phẩm 1	3	17DTP1A	1	2	1 -> 5	TH	30		60	27/11/2017 -> 08/01/2018	30								x	x	x	x	x		x		L.501	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	
151	010107169001	Tiếng Anh chuyên ngành thực phẩm 1	3	17DTP1A	1	2	1 -> 5	LT	30		60	09/10/2017 -> 13/11/2017	30	x	x	x	x	x	x										L.505	01015005 - Nguyễn Hồng Khôi Nguyên	

Tp.HCM, ngày 19 tháng 08 năm 2017

Ban giám hiệu **Phòng đào tạo** **Trưởng khoa** **Giáo vụ khoa**